TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2025/DS-ST
Ngày: 29/9/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Văn Cung**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trần Công Minh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Đẹp – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2025 về việc ***"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần C;

Địa chỉ trụ sở: Số A, T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ hiện nay: Số A, T, phường C, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy H – Phó phụ trách phòng G; ông Văn Công T – Cán bộ quan hệ khách hàng.

Bị đơn: Ông Trần Minh T1, sinh năm 1969;

Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Khóm B, Phường G, tỉnh Cà Mau.

(Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/4/2025 và các lời khai tiếp theo trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/8/2022 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần C (gọi tắt là Ngân hàng) với ông Trần Minh T1 và bà Nguyễn Thị K có ký kết hợp đồng vay số: PL-714-035/2022-HĐCV/NHCT862, số tiền vay 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng), thời hạn vay là 192 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích vay: Bù đắp chi phí xây dựng nhà; lãi suất vay trong hạn là 10.5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay tại thời điểm nợ quá hạn.

Để đảm bảo các khoản vay nêu trên, ngày 11/7/2022 ông T1, bà K đã ký hợp đồng thế chấp số PL-714-012/2022/HĐTC/NHCT862, thế chấp cho Ngân hàng phần đất ở tại đô thị có diện tích 176,6 m^2, thửa số 108, tờ bản đồ số 24 và tài sản gắn liền với đất là căn nhà diện tích xây dựng 121,54 m^2, diện tích sàn: 530,96 m^2. Tài sản thế chấp do bà Nguyễn Thị K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DĐ 200283 ngày 08/7/2022. Đất và các tài sản trên đất tọa lạc tại Khóm B, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (nay là Khóm B, phường G, tỉnh Cà Mau).

Do ông T1, bà K vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 26/10/2023 nên khoản nợ vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng yêu cầu ông T1, bà K trả số tiền vay tính đến ngày 20/5/2025 tổng cộng là 2.109.353.702 đồng (trong đó gốc là 1.793.000.000đ, lãi trong hạn là 311.814.073đ, lãi quá hạn là 4.539.629đ) và yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày 21/5/2025 cho đến khi ông T1, bà K thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông T1, bà K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên.

Bị đơn ông Trần Minh T1 và bà Nguyễn Thị K từ khi Tòa án thụ lý đến khi mở phiên tòa xét xử, ông T1, bà K đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau trình bày quan điểm:

+ *Về tố tụng*: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng đồng bị đơn chưa chấp hành khoản 16, 17 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí bị đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần C yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Trần Minh T1 và bà Nguyễn Thị K, bị đơn có địa chỉ tại phường G, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; ông T1, bà K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng:

[3.1] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số PL-714-035/2022-HĐCV/NHCT862, ngày 29/8/2022 thể hiện ông T1, bà K vay của Ngân hàng với số tiền là 2.000.000.000đ, thời hạn vay là 192 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích vay: Bù đắp chi phí xây dựng nhà; lãi suất vay trong hạn là 10.5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay tại thời điểm nợ quá hạn. Do ông T1, bà K vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 26/10/2023 nên khoản nợ vay đã chuyển sang nợ quá hạn.

[3.2] Xét thấy, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho ông T1, bà K, nhưng ông T1, bà K không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình, hơn nữa trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông T1, bà K không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án, mặc dù Tòa án đã thông báo cho ông T1, bà K tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng vẫn không nhận được ý kiến của ông T1, bà K. Từ đó, có căn cứ xác định việc ông T1, bà K có vay và hiện còn nợ Ngân hàng là có xảy ra trên thực tế, ông T1, bà K đã vi phạm nghĩa vụ của người vay là không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Từ đó yêu cầu của Ngân hàng buộc ông T1 và bà K trả nợ vay là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về hợp đồng thế chấp tài sản: Để đảm bảo các khoản vay nêu trên, ông T1, bà K đã ký hợp đồng thế chấp số PL-714-012/2022/HĐTC/NHCT862 ngày 11/7/2022. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông T1, bà K với Ngân hàng được các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, được chứng thực và đăng ký tài sản đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Theo quy định pháp luật và cam kết trong Hợp đồng tín dụng, tài sản trên được thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ trong Hợp đồng tín dụng. Yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để đảm bảo cho việc thu hồi nợ của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Từ những nhận định nêu trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng để buộc ông Trần Minh T1 và bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ trả tiền vay cho Ngân hàng.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chổ đã chi phí hết số tiền 750.000đ. Ngân hàng không phải chịu; Ngân hàng đã dự nộp số tiền 3.000.000đ được chuyển thu chi phí xem xét, thẩm định tại chổ nên hoàn lại cho Ngân hàng số tiền 2.250.000đ. Buộc ông T1, bà K nộp 750.000đ để hoàn trả cho Ngân hàng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch*:* Buộc ông Trần Minh T1 và bà Nguyễn Thị K phải nộp án phí đối với yêu cầu của ngân hàng được Tòa án chấp nhận. Ngân hàng không phải chịu án phí.

[8] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ như Hội đồng xét xử nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 323, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần C:

Buộc ông Trần Minh T1 và bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền vay tính đến ngày 20/5/2025 tổng cộng là 2.109.353.702 đồng (trong đó gốc là 1.793.000.000đ, lãi trong hạn là 311.814.073đ, lãi quá hạn là 4.539.629đ).

Kể từ ngày 21/5/2025, ông Trần Minh T1 và bà Nguyễn Thị K còn phải chịu khoản nợ lãi đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số PL-714-035/2022/HĐCV/NHCT862, ngày 29/8/2022.

2. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng Thương mại cổ phần C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T1, bà K không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản nợ trên, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số PL-714-012/2022/HĐTC/NHCT862 ngày 11/7/2022 để thu hồi nợ gồm: phần đất ở tại đô thị có diện tích 176,6 m^2, thửa số 108, tờ bản đồ số 24 và tài sản gắn liền với đất là căn nhà diện tích xây dựng 121,54 m^2, diện tích sàn: 530,96 m^2. Tài sản thế chấp do bà Nguyễn Thị K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DĐ 200283 ngày 08/7/2022. Đất và các tài sản trên đất tọa lạc tại Khóm B, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (nay là Khóm B, phường G, tỉnh Cà Mau).

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chổ đã chi hết số tiền 750.000đ, buộc ông T1, bà K phải chịu. Ngân hàng không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chổ;

Ngân hàng đã dự nộp 3.000.000đ được chuyển thu chi phí xem xét, thẩm định tại chổ, hoàn lại cho Ngân hàng số tiền 2.250.000đ. Buộc ông T1, bà K nộp 750.000đ hoàn trả cho Ngân hàng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Trần Minh T1 và bà Nguyễn Thị K nộp số tiền 74.187.000đ. H1 lại cho Ngân hàng số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 34.930.000đ tại biên lai thu số 0005442 ngày 17/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai (nay là phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cà Mau).

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Cà Mau;
-VKSND tỉnh Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 8 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã đóng dấu, ký tên)

Tạ Văn Cung